

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2023

V/v “Xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Hải; bà Hà Thị Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2023 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Đình L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt;

- Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Đình L trình bày:

Về tình cảm: Anh Phạm Đình L và chị Bùi Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T nghiện rượu, không quan tâm chăm sóc, con cái và thường xuyên say rượu về chửi bới trong gia đình, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của gia đình cũng như việc học hành các con. Anh L và người thân trong gia đình cũng như chính quyền địa phương đã nhiều lần khuyên răn, góp ý nhưng chị T đã không thay đổi. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn và

vì tương lai của các con nên anh L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh L được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, đó là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 09/4/2008 và Phạm Gia H, sinh ngày 15/01/2013, anh L có nguyện vọng xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Chị T thừa nhận về thời điểm đăng ký kết hôn cũng việc chung sống với nhau sau khi kết hôn, và thời điểm xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không phải do chị say rượu, mà là do anh L không tôn trọng chị, nay anh L làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh L trình bày là đúng thực tế. Nếu ly hôn thì chị T cũng có nguyện vọng xin nhận nuôi con chung Phạm Thị Tú A, sinh ngày 09/4/2008 và để cho anh L nuôi con Phạm Gia H, sinh ngày 15/01/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải để anh L, chị T đoàn tụ, tuy nhiên trong lần hòa giải đầu tiên chị T không tham gia, còn lần thứ hai thì cả hai đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên hòa giải không thành. Do vậy, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như Công an nơi anh L, chị T đang sinh sống để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị T. Theo xác nhận của chính quyền địa phương xã S, huyện H đã khẳng định: “Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị T đó là do chị T thường xuyên uống rượu rồi về cãi vã chửi bới, nhất là vào ban đêm, địa phương đã phải nhiều lần tới nhà để khuyên răn, yêu cầu chấm dứt cãi vã, chửi bới nhau để giữ gìn bình yên nơi thôn xóm, nhưng không có hiệu quả, chị T vẫn cứ thường xuyên say rượu”. Còn theo xác nhận của Công an xã S, huyện H thì khẳng định: “Công an xã S đã nhiều lần nhận được phản ánh của anh Phạm Đình L cũng như của Ban mặt trận thôn T về việc chị Bùi Thị T say rượu nên chửi bới, quậy phá trong gia đình, làm ảnh hưởng tới cuộc sống gia đình cũng như gây mất trật tự thôn xóm (việc này diễn ra ban đêm). Sau khi nhận được các phản ánh như trên, lực lượng Công an xã đã trực tiếp về tại nhà anh L, chị T để nắm bắt tình hình và giải quyết vụ việc. Quá trình đến làm việc thì lực lượng Công an nhận thấy chị T có biểu hiện say rượu, người nồng nặc mùi rượu và có hành vi chửi bới. Trước hành vi này thì lực lượng Công an đã yêu cầu chị T không được làm gây mất trật tự, khi có lực lượng Công an đến và khuyên răn như thế thì chị T chấp hành, tuy nhiên một thời gian sau chị T lại tiếp tục tái phạm”.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện thực hiện tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh Phạm Đình L, đồng ý cho anh L ly hôn với chị Bùi Thị T.

+ Về con chung: Xét nguyện vọng và mong muốn được trực tiếp nuôi con chung của các đương sự, điều kiện thực tế cũng như phản ánh của Công an và chính quyền địa phương nơi anh L, chị T đang sinh sống; cũng như nguyện vọng của cả hai con chung (cả hai con chung đều đã trên 07 tuổi) và đối chiếu với quy định tại Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cả hai con chung Phạm Thị Tú A, sinh ngày 09/4/2008 và Phạm Gia H, sinh ngày 15/01/2013 cho Phạm Đình L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), và chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh L không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn anh Phạm Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Đình L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị T có địa chỉ cư trú tại số T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình L và chị Bùi Thị T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy đăng ký kết hôn số 23, ngày 03/12/2001, nên xác định là

quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh L trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, lý do là vì chị T nghiện rượu không quan tâm đến công việc trong gia đình cũng như chăm sóc con cái, thường xuyên say rượu rồi về chửi bới trong gia đình (nhất là vào ban đêm) làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của gia đình cũng như việc học hành của con cái. Còn chị T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không phải do chị say rượu mà là do anh L không tôn trọng chị T. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn của anh L là có căn cứ, đúng với thực tế khách quan vì qua xác minh tại chính quyền địa phương và Công an nơi gia đình anh L, chị T là phù hợp với trình bày của anh L. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án thì chị T cũng đã đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh L và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh L xin được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận, đồng ý cho anh L được ly hôn với chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Các bên đương sự có 02 con chung, tên là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 09/4/2008 và Phạm Gia H, sinh ngày 15/01/2013.

Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai con chung của anh L và chị T đều đã trên 07 tuổi, đang độ tuổi ăn học phổ thông, do vậy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo cho các cháu có một môi trường sinh sống và học tập tốt nhất, đồng thời phải xem xét nguyện vọng của cả hai cháu. Vì anh L và chị T có 02 con chung, nếu vợ chồng không thỏa thuận được về việc phân chia quyền nuôi con và điều kiện nuôi dưỡng con của anh L, chị T đảm bảo thì giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng như của Công an xã S cho thấy: Bản thân chị T có biểu hiện nghiện rượu, thường xuyên chửi bới, quậy phá trong gia đình (nhất là vào ban đêm), làm ảnh hưởng tới gia đình cũng như trật tự thôn xóm. Do đó, nếu giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển nói chung cũng như việc học tập của cháu A và cháu H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung cho anh Phạm Đình L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cả hai con (hai con đều có nguyện vọng xin được ở với anh L), cũng như phù hợp với quy định tại Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Đình L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Đình L là nguyên đơn, nên anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Đình L được ly hôn với chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Tú A, sinh ngày 09/4/2008 và Phạm Gia H, sinh ngày 15/01/2013 cho anh Phạm Đình L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí: Anh Phạm Đình L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, anh L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006445 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- UBND xã Sơn Thủy;
- Chi cục THADS Hương Sơn;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Đạt

